

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SA THẦY  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-12-2020.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hạnh và ông Trần Đình Xứng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Công Anh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1974.**

Địa chỉ: Thôn Nh, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

*Bị đơn:* **Bà Đinh Thị G, sinh năm 1986.**

Địa chỉ: Thôn Nh, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Đức H và bà Đinh Thị G tự nguyện kết hôn với nhau và được UBND xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 03 năm 2007. Khoảng thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2009 do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến khoảng tháng 8 năm 2009 bà Đinh Thị G bỏ đi cho đến nay. Khi đi bà G không khai báo với chính quyền địa phương, không đăng ký tạm vắng. Ông H đã tìm mọi biện pháp để tìm kiếm nhưng không có thông tin gì của bà G.

Tháng 2 năm 2020 ông Nguyễn Đức H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đinh Thị G mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-DS ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy đã tuyên bố bà Đinh Thị G mất tích. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đinh Thị G.

**Về con chung:** Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/3/2008. Hiện nay, con chung đang ở với ông H. Sau khi ly hôn, ông H có nguyện vọng được nuôi con chung trên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-DS ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy đã tuyên bố bà Đinh Thị G mất tích.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/3/2008. Bà Đinh Thị G bỏ đi biệt tích, con chung do một mình ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên đề nghị giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đức H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với bà Đinh Thị G có nơi cư trú tại xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Đây là tranh chấp thuộc khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Đinh Thị G đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum vào ngày 19/3/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H: Ông cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến khoảng tháng 8 năm 2009 bà Đinh Thị G bỏ đi cho đến nay. Ông H đã tìm mọi biện pháp để tìm kiếm nhưng không có thông tin gì của bà G và ông đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đinh Thị G mất tích.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng ông H và bà G không tự hòa giải được. Đến khoảng tháng 8 năm 2009, bà G bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Mặc dù ông H đã tìm mọi biện pháp để tìm kiếm nhưng không có thông tin gì của bà G. Tháng 2 năm 2020 ông đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đinh Thị G mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-DS ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy đã tuyên bố bà Đinh Thị G mất tích. Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đinh Thị G. Xét thấy, bà G đã tự ý bỏ nhà, bỏ chồng con ra đi dẫn đến tuyên bố mất tích thể hiện tình cảm của ông H và bà G không còn thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/3/2008. Khi ly hôn ông H có nguyện vọng được nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi bà G bỏ đi đến nay, con chung do ông H một mình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vậy, giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi các đương sự có tranh chấp về tài sản thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đề ngày 08/10/2020 của ông Nguyễn Đức H.

#### **Xử:**

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho ông Nguyễn Đức H ly hôn với bà Đinh Thị G.

2. **Về con chung:** Giao con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/3/2008 cho ông Nguyễn Đức H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

3. **Tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về án phí:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004104 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Ông H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm ngày*), kể từ ngày tuyên án (08/12/2020) các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lâm**

